TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/DS-ST
Ngày: 21/8/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hiệp.

Ông Thạch Dương Nhanh.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Hoàng Bửu – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ.

Trong ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-DS, ngày 11 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Quang S, năm sinh: 1993 - Chủ hộ Hộ kinh doanh T.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Yến N, sinh năm 2001 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã N, thành phố Cần Thơ (Địa chỉ cũ: Ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng).

- *Bị đơn:*

1/ Ông Phạm Hải Đ, năm sinh: 1987 (vắng mặt).

2/ Bà Lê Thị T, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ (Địa chỉ cũ: Ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2024, chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Yến N trình bày: Vào năm 2021, ông Trần Quang S có thỏa thuận mua bán thức ăn, thuốc thủy sản với ông Phạm Hải Đ và bà Lê Thị T thông qua lời nói không lập thành văn bản. Nội dung giao dịch như sau: Ông S bán thức ăn tôm thẻ chân trắng, tôm sú nhãn hiệu Việt H, các nhãn hiệu khác cùng với thuốc và

hóa chất nuôi trồng thủy sản cho ông Đ và bà T. Số lượng cụ thể sẽ được bên ông Đ, bà T đặt hàng thông qua đơn đặt hàng gửi cho ông S. Ông Đ và bà T, người nhà của ông, bà có thể trực tiếp đến kho hàng để lấy hàng hoặc nhân viên bên ông S sẽ hỗ trợ vận chuyển đến nhà ông, bà. Ông Đ và bà T khi nhận hàng sẽ tiến hành kiểm tra và ký vào sổ đối chiếu xác nhận giao nhận hàng.

Về nghĩa vụ thanh toán: Ông Đ và bà T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền hàng cho ông S khi thu hoạch tôm. Trường hợp bên phía ông Đ và bà T nuôi tôm bị thất thu thì không đương nhiên làm mất nghĩa vụ thanh toán.

Trong thời gian thực hiện giao dịch, ông S đã tiến hành cung cấp đầy đủ số lượng hàng hóa theo yêu cầu của ông Đ và bà T. Bên phía ông Đ và bà T cũng không có phản ánh gì về số lượng, chất lượng, loại hàng hóa mà ông S đã cung cấp. Mặc dù ông S đã thực hiện đúng thỏa thuận, nhưng ông Đ và bà T đã không thanh toán hết tiền hàng cho ông S vào cuối vụ tôm năm 2022 và không lấy hàng hóa bên ông S nữa nên ông S đã cử nhân viên liên hệ và làm việc với ông Đ và bà T để thanh toán công nợ còn lại. Vào tháng 04/2024 đối chiếu công nợ thì ông Đ và bà T ký xác nhận còn nợ ông S số tiền là 53.605.000 đồng. Ông Đ và bà T ngừng lấy hàng nhưng không thanh toán cho ông S, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông S.

Nay ông Trần Quang S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Hải Đ và bà Lê Thị T trả cho ông S số tiền nợ gốc là 53.605.000 đồng, thanh toán một lần ngay khi bản án/quyết định của tòa án có hiệu lực pháp luật và phải trả tiền lãi chậm thanh toán theo quy định của pháp luật kể từ khi Tòa tuyên án đến khi trả hết nợ cho ông S.

- *Đối với bị đơn ông Phạm Hải Đ và bà Lê Thị T:* Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Hải Đ và bà Lê Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông Đ và bà T không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến Toà án để tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. không đến tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các bị đơn ông Phạm Hải Đ và bà Lê Thị T đã được Tòa án cấp, tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông Đ và T vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các bị đơn nêu trên.

[2] Nguyên đơn ông Trần Quang S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn ông Phạm Hải Đ và bà Lê Thị T thanh toán số tiền nợ mua bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông S là 53.605.000 đồng. Nguyên đơn ông Trần Quang S cung cấp chứng cứ gồm bảng đối chiếu xác nhận công nợ tháng 4/2024 do ông Phạm Hải Đăng K xác nhận dư nợ 53.605.000 đồng và sổ đối chiếu xác nhận giao nhận hàng do ông Đăng ký xác

nhận. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét thấy, đây là hợp đồng mua bán tài sản, các bên giao kết hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng trên được pháp luật bảo vệ. Ông Trần Quang S đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn chăn nuôi thủy sản cho bên mua là ông Phạm Hải Đ và bà Lê Thị T. Ông Đ và bà T đã nhận đủ thức ăn chăn nuôi thủy sản do ông S chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình. Nhưng ông Đ và bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông S theo thỏa thuận. Kể từ ngày ký xác nhận công nợ vào tháng 4/2024 đến nay, ông Đ và bà T còn nợ của ông S tổng số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản là 53.605.000 đồng chưa thanh toán. Do ông Đ và bà T không thanh toán nợ đúng hạn theo thỏa thuận là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự. Do đó, ông Trần Quang S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn ông Phạm Hải Đ và bà Lê Thị T trả số tiền nợ mua bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông S 53.605.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất chậm thanh toán là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông Phạm Hải Đ và bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang S về việc yêu cầu các bị đơn ông Phạm Hải Đ và bà Lê Thị T thanh toán số tiền 53.605.000 đồng.

[2] Buộc ông Phạm Hải Đ và bà Lê Thị T phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Quang S tổng số tiền 53.605.000 đồng.

[3] Khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc ông Trần Quang S có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Phạm Hải Đ và bà Lê Thị T chậm trả số tiền nêu trên cho ông Trần

Quang S, thì ông Phạm Hải Đ và bà Lê Thị T trả lãi đối với số tiền trả chậm cho ông Trần Quang S, với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Phạm Hải Đ và bà Lê Thị T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.680.250 đồng. Nộp tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ.

- Ông Trần Quang S được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.340.000 đồng theo biên lai thu số 0008473 ngày 20/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cần Thơ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 8 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Phòng T.H.A khu vực 8 – Cần Thơ,
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Ái Mỹ